

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: 446/2025/HSPT
Ngày: 18/8/2025

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Trung.

Các thẩm phán: 1/ Bà Đinh Thị Kiều Lương.

2/ Ông Nguyễn Xuân Quang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đoàn Hữu Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Tổng Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 144/2025/TLPT-HS ngày 09 tháng 4 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 326/2025/QĐXXPT-HS ngày 16 tháng 7 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 193/2025/HSPT-QĐ ngày 31 tháng 7 năm 2025.

Do có kháng cáo của bị cáo Lê Thanh V; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị H, ông Ngô Thái H1 đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 42/2025/HS-ST ngày 14-02-2025 của Tòa án nhân dân TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Đồng Nai).

Bị cáo kháng cáo:

Họ và tên: **Lê Thanh V**, sinh ngày 22 tháng 02 năm 1982, tại Thanh Hóa.

Nơi cư trú: Tổ B, khu phố C, phường T, TP B (nay là phường T), tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: kinh doanh; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Lê Thanh Q và bà Lưu Thị C; có vợ là Nguyễn Thị Thu H2, sinh năm 1982 và có 03 người con, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2022.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo được tại ngoại.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Văn S, Luật sư Văn phòng luật sư Nguyễn Văn S thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo:

+ Bà Đỗ Thị H, sinh năm 1972.

Địa chỉ: G ấp N, xã H 3, huyện T (nay là phường H), tỉnh Đồng Nai.

+ Ông Ngô Thái H1, sinh năm 1973.

Địa chỉ: G ấp N, xã H 3, huyện T (nay là phường H), tỉnh Đồng Nai.

Bị cáo, luật sư S, bà H, ông H1 vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty cổ phần S1 trụ sở tại số B, tổ B, khu phố C, phường T, TP B (nay là phường T), tỉnh Đồng Nai, nay là Công ty cổ phần S1 (sau đây viết tắt là Công ty S1) do bà Phạm Thị Kim T, sinh năm 1980, địa chỉ: số A, khu phố E, phường H, TP B (nay là phường T), tỉnh Đồng Nai là Giám đốc, có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 3603218019 ngày 10/10/2014, được đăng ký thay đổi lần thứ 5 vào ngày 15/9/2016 do ông Vũ Đình D, sinh năm 1979, ngụ tại số C, khu phố C, phường T, TP B (nay là phường T), tỉnh Đồng Nai giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc; các thành viên Hội đồng quản trị còn lại gồm: Lê Thanh V, bà Nguyễn Thị Thu H2 (sinh năm 1982, ngụ tại tổ B, khu phố C, phường T, TP B, nay là phường T, tỉnh Đồng Nai, là vợ của Lê Thanh V) và ông Mai Thành C1.

Vào các ngày 01/9/2016 và 20/9/2016, ông D đã ký quyết định bổ nhiệm Phó Giám đốc điều hành Công ty cho Lê Thanh V và ký giấy ủy quyền cho Lê Thanh V: *“Được quyền quyết định và ký các hợp đồng xây lắp, hợp đồng thương mại với khách hàng và văn bản quản lý phục vụ hoạt động của Công ty S1; Được toàn quyền quyết định và ký kết các hợp đồng dịch vụ liên quan đến hợp đồng xây lắp và hợp đồng thương mại”*.

Vào ngày 24/10/2016, Lê Thanh V đại diện cho Công ty S1 ký hợp đồng xây lắp số 27/HĐXL/ĐHN-ĐT H/2016 (sau đây viết tắt là Hợp đồng số 27) với bà Đỗ Thị H, sinh năm 1972, địa chỉ số G N, xã H 3, huyện T (nay là phường H), tỉnh Đồng Nai là chủ cơ sở kinh doanh sản xuất Đỗ Thị H để thực hiện: Khảo sát thiết kế, lập hồ sơ xin cấp điện với Điện lực, cung cấp vật tư – thiết bị và thi công tăng công suất TBA 250kVA lên TBA 560kVA tại T (thuộc Chi nhánh 02 của Công ty TNHH MTV B do ông Ngô Thái H1 là chồng của bà H làm Giám đốc) và di dời 01 TBA 250kVA cấp điện tại xã T, V (nay là phường T), Đồng Nai, với giá trị hợp đồng chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (GTGT) là 800.000.000đ (tám trăm triệu đồng) và thuế GTGT 10% là 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng). Đến ngày 30/3/2017, Lê Thanh V và bà Đỗ Thị H đã lập biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng, Công ty TNHH MTV B đã thanh toán tiền từ ngày 24/10/2016 đến ngày 22/4/2017 cho Công ty S1 với số tiền là 640.000.000đ (sáu trăm bốn mươi triệu đồng), số tiền còn lại chưa thanh toán là 160.000.000đ (một trăm sáu mươi triệu đồng), nhưng sau đó Công ty S1 không xuất hóa đơn GTGT; không mở sổ sách kế toán, chứng từ nghiệp vụ kinh tế phát sinh nghĩa vụ thuế; không kê khai nộp thuế đối với công trình theo Hợp đồng số 27 trên. Đến tháng 9/2018, qua xác minh tại Chi cục thuế T2, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ đã phát hiện hành vi trốn thuế nêu trên tại Công ty S1 nên đã lập hồ sơ chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an T3 xác minh, khởi tố, điều tra xử lý theo thẩm quyền.

Tại bản Kết luận giám định tư pháp số 3545/KL-CT ngày 27/5/2019, của Cục thuế tỉnh Đ kết luận: Công ty S1 đã có hành vi không xuất hóa đơn khi bán hàng hóa, không kê khai nộp thuế và không hạch toán sổ sách kế toán đối với công trình thi công cho cơ sở kinh doanh sản xuất Đỗ Thị H và Công ty TNHH MTV B, gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước tổng số tiền 237.057.730đ (hai trăm ba mươi bảy triệu, không trăm năm mươi bảy nghìn, bảy trăm ba mươi đồng), trong đó: số tiền thuế GTGT là 77.057.730đ (bảy mươi bảy triệu, không trăm năm mươi bảy nghìn, bảy trăm ba mươi đồng) và số tiền thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) là 160.000.000đ (một trăm sáu mươi triệu đồng).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 42/2025/HS-ST ngày 14-02-2025 của Tòa án nhân dân TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Đồng Nai) đã Quyết định:

Căn cứ vào:

- Điều b, c khoản 1 Điều 200; điểm b, i khoản 1 Điều 51; Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Điều 106; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 292; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên bố bị cáo Lê Thanh V phạm tội “Trốn thuế”.

Xử phạt bị cáo Lê Thanh V 08 (tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện đi thi hành án hoặc bị áp giải đi thi hành án.

- Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 27/02/2025, bị cáo Lê Thanh V kháng cáo, đề nghị xem xét lại hồ sơ vụ án, tuyên bị cáo không phạm tội trốn thuế.

Ngày 27/02/2025, bà Đỗ Thị H, ông Ngô Thái H1 kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xác định lại giá trị của hợp đồng là 800.000.000 đồng đã bao gồm thuế giá trị gia tăng.

*** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên toà:**

Về thủ tục tố tụng: Bị cáo Lê Thanh V và bà Đỗ Thị H, ông Ngô Thái H1 kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung vụ án:

Đối với kháng cáo của bị cáo Lê Thanh V: Vào ngày 24/10/2016, Lê Thanh V đại diện cho Công ty S1 ký hợp xây lắp số 27 với bà Đỗ Thị H để thực hiện công việc: Khảo sát thiết kế, lập hồ sơ xin cấp điện với Điện lực, cung cấp vật tư – thiết bị và thi công tăng công suất 250kVA lên TBA 560kVA tại T và di dời 01 TBA 250kVA cấp điện tại xã T, V với giá trị hợp đồng chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (GTGT) là 800.000.000 đồng (tám trăm triệu đồng) và thuế GTGT 10% là 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng). Đến ngày 30/3/2017, Lê Thanh V và bà Đỗ

Thị H đã lập biên nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng, Công ty B đã thanh toán 640.000.000 đồng, còn lại 160.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty S1 không xuất hóa đơn GTGT, không mở sổ sách kế toán, chứng từ nghiệp vụ kinh tế phát sinh nghĩa vụ thuế; không kê khai nộp thuế đối với công trình nêu trên.

Tại bản Kết giám định tư pháp số 3545/KL-CT ngày 27/5/2019, của Cục Thuế tỉnh Đ kết luận: *Công ty S1 đã có hành vi không xuất hóa đơn khi bán hàng hóa, không kê khai nộp thuế và không hạch toán sổ sách kế toán đối với công trình thi công cho cơ sở kinh doanh sản xuất Đỗ Thị H và Công ty TNHH MTV B, gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước tổng số tiền 237.057.730 đồng (hai trăm ba mươi bảy triệu, không trăm năm mươi bảy nghìn, bảy trăm ba mươi đồng), trong đó: số tiền thuế GTGT là 77.057.730 đồng (bảy mươi bảy triệu, không trăm năm mươi bảy nghìn, bảy trăm ba mươi đồng) và số tiền thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) là 160.000.000 đồng (một trăm sáu mươi triệu đồng).*

Căn cứ kết quả giám định của Cục thuế tỉnh Đ thì Lê Thanh V đã có hành vi trốn thuế với tổng số tiền 237.057.730 đồng. Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Đồng Nai đã xét xử bị cáo Lê Thanh V về tội “Trốn thuế” theo quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 200 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chính sách thuế, gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước. Cấp sơ thẩm đã xem xét bị cáo nộp lại số tiền thuế để khắc phục hậu quả, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng để xử phạt bị cáo mức án 08 tháng tù là phù hợp. Bị cáo kháng cáo đề nghị Tòa án tuyên bị cáo không phạm tội “Trốn thuế” nhưng không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Đối với kháng cáo của bà Đỗ Thị H, ông Ngô Thái H1: Trong hợp xây lắp số 27/HĐXL/ĐHN-ĐT H/2016 ngày 24/10/2016, các bên đã xác định rõ giá trị hợp đồng chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (GTGT) là 800.000.000 đồng (tám trăm triệu đồng) và thuế GTGT 10% là 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng). Bà H, ông H1 kháng cáo cho rằng giá trị của hợp đồng là 800.000.000 đồng bao gồm cả thuế giá trị gia tăng là không phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị cáo Lê Thanh V và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đỗ Thị H, ông Ngô Thái H1 làm đơn kháng cáo trong thời hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Bị cáo Lê Thanh V; luật sư Nguyễn Văn S – người bào chữa cho bị cáo V và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đỗ Thị H, ông Ngô Thái H1 đã nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Riêng bị cáo Lê Thanh V có đơn xin hoãn phiên tòa với lý do sức khỏe không được tốt nên không tham gia buổi xét xử được. Ngoài đơn xin

hoãn phiên tòa, bị cáo Lê Thanh V không nộp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác. Xét thấy các đương sự trong vụ án đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan nên căn cứ Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung kháng cáo:

[2.1] Về nội dung vụ việc:

Căn cứ lời khai của bị cáo, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình điều tra, truy tố có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 24/10/2016, Lê Thanh V đại diện cho Công ty S1 ký hợp xây lắp số 27/HĐXL/ĐHN-ĐT H/2016 (sau đây viết tắt là Hợp đồng số 27) với bà Đỗ Thị H là chủ cơ kinh doanh sản xuất Đỗ Thị H để thực hiện: Khảo sát thiết kế, lập hồ sơ xin cấp điện với Điện lực, cung cấp vật tư – thiết bị và thi công tăng công suất 250kVA lên TBA 560kVA tại T (thuộc Chín hánh 02 của Công ty TNHH MTV B do ông Ngô Thái H1 là chồng của bà H làm Giám đốc) và di dời 01 TBA 250kVA cấp điện tại xã T, huyện V (nay là phường T), tỉnh Đồng Nai, với giá trị hợp đồng chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (GTGT) là 800.000.000 đồng (tám trăm triệu đồng) và thuế GTGT 10% là 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng). Đến ngày 30/3/2017, Lê Thanh V và bà Đỗ Thị H đã lập biên nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng, Công ty TNHH MTV B đã thanh toán 640.000.000 đồng (sáu trăm bốn mươi triệu đồng), số tiền còn lại chưa thanh toán là 160.000.000 đồng (một trăm sáu mươi triệu đồng). Tuy nhiên, Công ty S1 không xuất hóa đơn GTGT, không mở sổ sách kế toán, chứng từ nghiệp vụ kinh tế phát sinh nghĩa vụ thuế, không kê khai nộp thuế đối với công trình theo Hợp đồng số 27 trên.

[2.2] Xét nội dung kháng cáo của bị cáo Lê Thanh V.

Bị cáo Lê Thanh V kháng cáo cho rằng hai bên chỉ ký thỏa thuận nguyên tắc với nhau, chưa ký hợp đồng chính thức. Bên chủ đầu tư chưa nhận công trình, đang đòi phạt và đòi lại tiền tạm ứng. Thực tế đến nay công trình không chuyển được tên cho Công ty B và chưa được bên B L nhận bàn giao, đưa vào sử dụng. Do chưa nhận bàn giao đưa vào sử dụng nên các thiết bị đã bị mất mát, hư hỏng, gây thiệt hại cho cả 2 bên. Hợp đồng số 27 là hợp đồng vô hiệu nên không làm căn cứ kết tội bị cáo.

Qua xem xét hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy: Công ty S1 do Lê Thanh V là người đại diện ký hợp xây lắp số 27/HĐXL/ĐHN-ĐT H/2016 với bà Đỗ Thị H là chủ cơ kinh doanh sản xuất Đỗ Thị H là hoàn toàn tự nguyện. Hợp đồng thể hiện đầy đủ nội dung như công việc phải làm, chất lượng, thời gian và tiến độ thực hiện, điều kiện nghiệm thu, giá trị hợp đồng, hình thức thanh toán, quyền và nghĩa vụ của các bên... Ngoài hợp đồng nêu trên, giữa hai bên không có hợp đồng nào khác để cụ thể hóa công việc theo nội dung hợp đồng đã ký. Vì vậy, bị cáo cho rằng đây chỉ là hợp đồng nguyên tắc, không phải là hợp đồng chính thức là không có căn cứ.

Sau khi ký kết hợp đồng số 27, hai bên đã tiến hành thực hiện hợp đồng theo đúng thỏa thuận và các bên đã tiến hành lập Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng ngày 30/3/2017 (bút lục 102). Công ty S1 phải có nghĩa vụ lập hóa đơn, mở sổ sách kế toán, kê khai báo cáo thuế. Tuy nhiên, bị cáo Lê Thanh V là người giữ chức vụ phó giám đốc, trực tiếp ký kết hợp đồng, trực tiếp chỉ đạo,

điều hành thi công công trình nhưng bị cáo đã không lập hóa đơn, cũng không mở sổ sách kế toán, không kê khai báo cáo thuế. Tại Biên bản ghi lời khai ngày 15/8/2018 (bút lục 349 - 350), 17/7/2019 (bút lục 354-355) bị cáo thừa nhận Công ty S1 không xuất hóa đơn GTGT, không kê khai nộp thuế và không hạch toán sổ sách kế toán đối với công trình thi công cho cơ sở kinh doanh sản xuất Đỗ Thị H và Công ty TNHH MTV B là vi phạm pháp luật. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của Nguyễn Thị Thu H2 tại biên bản ghi lời khai ngày 18/3/2019 (bút lục 306) và phù hợp với lời khai của Đỗ Thị H (bút lục 321), Ngô Thái H1 (bút lục 322, 323) và các tài liệu, chứng cứ được thu thập theo trình tự tố tụng có tại hồ sơ vụ án.

Tại bản Kết luận giám định tư pháp số 3545/KL-CT ngày 27/5/2019, của Cục thuế tỉnh Đ kết luận: *Công ty S1 đã có hành vi không xuất hóa đơn khi bán hàng hóa, không kê khai nộp thuế và không hạch toán sổ sách kế toán đối với công trình thi công cho cơ sở kinh doanh sản xuất Đỗ Thị H và Công ty TNHH MTV B, gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước tổng số tiền 237.057.730 đồng (hai trăm ba mươi bảy triệu, không trăm năm mươi bảy nghìn, bảy trăm ba mươi đồng), trong đó: số tiền thuế GTGT là 77.057.730 đồng (bảy mươi bảy triệu, không trăm năm mươi bảy nghìn, bảy trăm ba mươi đồng) và số tiền thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) là 160.000.000 đồng (một trăm sáu mươi triệu đồng).*

Từ những tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của bị cáo và các đương sự, căn cứ Kết luận giám định tư pháp của Cục thuế tỉnh Đ, có đủ căn cứ xác định: Quá trình thực hiện Hợp đồng xây lắp số 27/HĐXL/ĐHN-ĐTH/2016 ngày 24/10/2016, bị cáo Lê Thanh V đã có hành vi không lập sổ sách kế toán, không hạch toán, không kê khai các khoản thu liên quan đến việc xác định số tiền thuế phải nộp; không xuất hóa đơn giá trị gia tăng, gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước số tiền thuế GTGT là 77.057.730 đồng (bảy mươi bảy triệu, không trăm năm mươi bảy nghìn, bảy trăm ba mươi đồng) và số tiền thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) là 160.000.000 đồng (một trăm sáu mươi triệu đồng).

Hành vi của bị cáo Lê Thanh V đã có đủ dấu hiệu của tội “Trốn thuế”, với tổng số tiền trốn thuế là 237.057.730 đồng. Cấp sơ thẩm xét xử, tuyên bị cáo phạm tội “Trốn thuế” theo quy định tại điểm b “không ghi chép trong sổ kế toán các khoản thu liên quan đến việc xác định số tiền thuế phải nộp” và điểm c “không xuất hóa đơn khi bán hàng hóa, dịch vụ” khoản 1 Điều 200 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Bị cáo kháng cáo cho rằng không phạm tội trốn thuế là không có cơ sở nên không chấp nhận.

[2.3] Xét nội dung kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đỗ Thị H, ông Ngô Thái H1, nhận thấy:

Bà Đỗ Thị H, ông Ngô Thái H1 đều kháng cáo đề nghị Tòa án xác định lại giá trị của hợp đồng là 800.000.000 đồng đã bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Sau khi xem xét toàn bộ nội dung vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ngày 24/10/2016, Lê Thanh V đại diện cho Công ty S1 ký hợp đồng xây lắp số 27/HĐXL/ĐHN-ĐT H/2016 (sau đây viết tắt là Hợp đồng số 27) với bà Đỗ Thị H là chủ cơ sở kinh doanh sản xuất Đỗ Thị H. Tại Điều 6 của Hợp đồng đã thể hiện rõ giá trị hợp đồng chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (GTGT VAT) 10% là 800.000.000

đồng (tám trăm triệu đồng) và thuế GTGT 10% là 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng); Tổng giá trị hợp đồng đã bao gồm VAT là 880.000.000 đồng. Cuối hợp đồng, bị cáo Lê Thanh V ký tên, đóng dấu Công ty S1 ở bên phía đại diện bên B; còn bà Đỗ Thị H ký tên, ghi rõ không xuất hóa đơn GTGT 10% ở phần đại diện bên A. Ngoài hợp đồng nêu trên, Công ty S1 và bà H không ký hợp đồng nào khác liên quan đến nội dung của Hợp đồng số 27.

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định giá trị Hợp đồng số 27 là 880.000.000 đồng đã bao gồm thuế giá trị gia tăng là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Bà H, ông H1 kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xác định lại giá trị của hợp đồng là 800.000.000 đồng đã bao gồm thuế giá trị gia tăng là không phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên không có cơ sở chấp nhận.

[3] Về kiến nghị:

Vũ Đình D là người đại diện theo pháp luật của Công ty S1 từ thời gian từ 15/9/2016 đến 14/7/2017. Công ty S1 thi công công trình theo Hợp đồng số 27 do Vũ Đình D là người ký xác nhận Thủ trưởng đơn vị đối với Phiếu thu ngày 24/10/2016 (bút lục 91) thu tiền đợt 1 công trình thi công tăng công suất 250kVA lên TBA 560kVA và di dời 01 TBA 250kVA của Cơ sở kinh doanh sản xuất Đỗ Thị H với số tiền 160.000.000 đồng. Vì vậy, Vũ Đình D đã biết việc thi công công trình này. Nguyễn Thị T1 kế toán Công ty xác nhận D có biết công trình theo Hợp đồng số 27 và chịu trách nhiệm của Công ty (bút lục số 314, 316). Thời điểm Công ty S1 phải lập hóa đơn, phải mở sổ sách kế toán thì Vũ Đình D là người đại diện theo pháp luật.

Nguyễn Thị Thu H2 là thành viên Hội đồng quản trị và Kế toán trưởng Công ty S1. Biên bản ghi lời khai ngày 07/9/2020 (bút lục 311), H2 thừa nhận có biết về công trình theo Hợp đồng số 27, biết rõ việc Công ty S1 không xuất hóa đơn GTGT cho Hợp đồng này, biết việc không xuất hóa đơn GTGT của Công ty S1 cho Hợp đồng số 27 và không kê khai báo cáo thuế là vi phạm pháp luật.

Nguyễn Thị T1 là kế toán kho, kế toán báo cáo thuế của Công ty S1. T1 là kế toán nhưng không mở sổ kế toán, chứng từ của nghiệp vụ phát sinh nghĩa vụ thuế, biết Công ty S1 không vào sổ sách theo dõi công trình thi công, không xuất hóa đơn GTGT, không hạch toán sổ sách kê khai báo cáo thuế là vi phạm pháp luật, vi phạm quy định và nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước (bút lục số 314, 316).

Vũ Đình D, Nguyễn Thị Thu H2 và Nguyễn Thị T1 là người có trách nhiệm trong Công ty S1, biết về công trình thi công theo Hợp đồng số 27, biết rõ việc Công ty S1 không xuất hóa đơn GTGT, không kê khai báo cáo thuế là vi phạm pháp luật. Nội dung này Bản án phúc thẩm số 319/2024/HS-PT ngày 17/7/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai đã nhận định và đã hủy Bản án sơ thẩm để đánh giá lại có đồng phạm hay không, nhằm tránh bỏ lọt tội phạm. Quá trình giải quyết lại vụ án, ngày 25/12/2024 Tòa án nhân dân TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Đồng Nai) đã trả hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (nay là Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Đồng Nai) để điều tra, xác minh dấu hiệu đồng phạm trong vụ án. Ngày 30/12/2024, Viện kiểm sát nhân dân TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (nay là Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Đồng Nai) phát hành Văn bản số 2929/VKSBNH trả lời với nội dung: kết quả điều tra không đủ chứng cứ, tài liệu xác định Vũ Đình D, Nguyễn Thị Thu H2 và Nguyễn Thị T1

đồng phạm về tội “trốn thuế” trong vụ án. Do giới hạn trong phạm vi xét xử nên cấp sơ thẩm chỉ xét xử đối với bị cáo Lê Thanh V là phù hợp.

Cấp sơ thẩm đã kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét lại toàn bộ nội dung vụ án, đánh giá lại vai trò, mức độ tham gia của Vũ Đình D, Nguyễn Thị Thu H2 và Nguyễn Thị T1 để xác định dấu hiệu đồng phạm theo quy định của pháp luật là phù hợp.

Qua kết quả xét xử phúc thẩm, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai kiến nghị Chánh án Tòa án nhân dân tối cao xem xét dấu hiệu đồng phạm của Vũ Đình D, Nguyễn Thị Thu H2 và Nguyễn Thị T1.

[4] Về án phí HSPT: Do không chấp nhận kháng cáo nên bị cáo Lê Thanh V, bà H, ông H1 mỗi người phải nộp 200.000 đồng án phí HSPT.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên toà phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

1/ Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Thanh V về việc đề nghị xem xét lại hồ sơ vụ án, tuyên bị cáo không phạm tội trốn thuế; không chấp nhận kháng cáo của bà Đỗ Thị H, ông Ngô Thái H1 về việc đề nghị Tòa án xác định lại giá trị của Hợp đồng xây lắp số 27/HĐXL/ĐHN-ĐT H/2016 ngày 24/10/2016 là 800.000.000 đồng đã bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 42/2025/HS-ST ngày 14-02-2025 của Tòa án nhân dân TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Đồng Nai).

1.1/ Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Thanh V phạm tội “Trốn thuế”.

1.2/ Về hình phạt:

Căn cứ điểm b, c khoản 1 Điều 200; điểm b, i khoản 1 Điều 51; Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Căn cứ Điều 106; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 292; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự

Xử phạt bị cáo **Lê Thanh V** 08 (tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện đi thi hành án hoặc bị áp giải đi thi hành án.

2/ Về án phí HSPT:

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lê Thanh V, bà Đỗ Thị H, ông Ngô Thái H1 mỗi người phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3/ Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4/ Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./

Nơi nhận::

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Toà án ND Khu vực 1 – Đồng Nai;
- Viện kiểm sát ND Khu vực 1 – Đồng Nai;
- CQCSĐT CA tỉnh Đồng Nai;
- Phòng hồ sơ – CA tỉnh Đồng Nai;
- CQTHAHS CA tỉnh Đồng Nai;
- Phòng Thi hành án DS Khu vực 1 – Đồng Nai;
- Bị cáo, LS, ĐS;
- Công an cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đình Trung